

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/DS-ST
Ngày: 02 – 12 – 2022.
“V/v tranh chấp: Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hoàng Việt.

2/ Ông Diệp Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Trong năm 2021, bà Lê Thị P có hỏi mượn của Nguyễn Thị N hai lần với tổng số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Thỏa thuận mỗi ngày bà P trả góp cho bà N 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng). Bà P trả góp được 24 ngày thì ngưng cho đến nay. Bà N yêu cầu bà Lê Thị P trả cho bà với số tiền là 13.400.000đ (Mười ba triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 16/11/2022, bà Lê Thị P chỉ thừa nhận còn nợ bà N số tiền là 6.600.000đ (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Nay bà N thống nhất số tiền trên và yêu cầu bà P phải trả ngay số tiền trên cho bà.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị P trình bày:

Thời gian vay cách đây khoảng 02 năm (2020) bà Lê Thị P có vay tiền của bà N nhưng không nhớ cụ thể do bà N đưa tiền nhiều lần, lần đầu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đóng lãi ngày 15.000đ (Mười lăm nghìn đồng). Do không đóng lãi được bà N mới tính lãi nhập vốn. Đến khoảng tháng 02 năm 2021, bà P với bà N thống nhất là bà P có nợ bà N 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Sau đó bà P đóng lãi được một thời gian thì ngưng. Đến ngày 05/01/2022, bà P với bà N thống nhất là bà P có nợ bà N số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) cho đến khi dứt nợ. Bà P trả góp từ ngày 05/01/2022 đến ngày 13/7/2022 thì ngưng với tổng số tiền là 9.400.000đ (Chín triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Nay bà P thừa nhận chỉ còn nợ bà N số tiền 6.600.000đ (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng) và chỉ có khả năng trả mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 6.600.000đ (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng) là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị P trả số tiền còn nợ từ việc vay mượn. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng vay tài sản giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Mặc dù hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

- Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Bà Nguyễn Thị N đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người cho vay được quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự. Còn bà Lê Thị P sau khi vay tiền đã không thực hiện đúng như đã thỏa thuận. Như vậy bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là tờ giấy viết tay ghi nợ không rõ ràng (bản photo) chữ viết cũng không phải do bà P ghi (bà P không biết chữ). Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải phía bà P thừa nhận có nợ bà N do đó nguyên đơn không phải chứng minh những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa bà N và bà P đã thống nhất số tiền nợ là 6.600.000đ (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng). Chỉ không thống nhất về P thức thanh toán.

[4] Về lãi suất: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu quan điểm về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.
2. Buộc bà Lê Thị P hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền còn nợ là 6.600.000đ (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị N cho đến khi thi hành án xong đối với khoản tiền phải trả mà bà Lê Thị P chậm trả tiền thì bà P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị P phải nộp 330.000đ (Ba trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí.
- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí. Bà N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí (đối tượng là người cao tuổi) được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng